

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2022

“Về việc: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Lê Viết H, sinh năm 1964. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Lê Viết H yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã E vào ngày 20-02-1993.

Quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì chung sống không hòa hợp, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh đập tôi. Tháng 5 năm 2021, tôi đã làm đơn xin ly hôn tuy nhiên sau đó gia đình khuyên can và bản thân tạo điều kiện cho anh H sửa chữa khắc phục sai lầm nên tôi đã rút đơn ly hôn và Tòa án đã đình chỉ. Tuy nhiên sau khi vợ chồng quay về đoàn tụ thì anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, hiện nay anh H đang có người phụ nữ khác.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đã có đơn xin được ly hôn với anh Lê Viết H. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với anh Lê Viết H được ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 05-02-1994 và cháu Lê Viết Nhân T, sinh ngày 29-9-1995. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Viết H trình bày*: Tôi nhất trí với ý kiến mà chị Nguyễn Thị C trình bày nêu trên. Cụ thể:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi với chị Nguyễn Thị C yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Ea Kênh vào ngày 20-02-1993.

Quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2019 cho đến nay thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên không đáng kể. Theo lời trình bày chị C cho rằng tôi có người phụ nữ khác thì tôi thừa nhận là có. Tuy nhiên chúng tôi đã chia tay và nay chỉ là bạn bè với nhau. Do đó nay chị Nguyễn Thị C xin được ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi quay về đoàn tụ.

- *Về con chung*: Giữa tôi với chị Nguyễn Thị C có 02 con chung là cháu Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 05-02-1994 và cháu Lê Viết Nhân T, sinh ngày 29-9-1995. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Viết H.

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Viết H có 02 con chung là cháu Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 05-02-1994 và cháu Lê Viết Nhân T, sinh ngày 29-9-1995. Hiện các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên chị C, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Nên chị C, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Viết H xác định tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết H. Anh Lê Viết H có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Nguyễn Thị C làm đơn xin được ly hôn với anh Lê Viết H. Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương xã E cùng các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Viết H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 20-02-1993. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống thì anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì chung sống không hòa hợp, hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị C đã 01 lần làm đơn xin ly hôn tuy nhiên sau đó được gia đình khuyên can và bản thân chị cũng tạo điều kiện cho anh H sửa chữa khắc phục sai lầm nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi quay về chung sống thì anh H vẫn không thay đổi, anh chị vẫn không có tiếng nói chung, anh H có người phụ nữ khác. Làm việc tại Tòa án, anh H thừa nhận là anh có người phụ nữ khác tuy nhiên hiện anh đã chia tay người phụ nữ đó nay chỉ là bạn bè với nhau. Theo biên bản xác minh ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại chính quyền địa phương xã E (BL 31) thể hiện: “... Trong quá trình bà C - ông H chung sống với nhau thì

ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H có đánh đập bà C nhiều lần, chính quyền thôn đã nhiều lần can ngăn, khuyên nhủ đối với ông H, ông H hứa sẽ thay đổi nên bà C cũng đã tạo điều kiện. Hiện nay ông H có người khác hay không thì địa phương không nắm rõ. ...”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị C với anh H và theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị C yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Viết H là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C. Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Viết H.

- *Về con chung*: Giữa chị Nguyễn Thị C với anh Lê Viết H có 02 con chung là cháu Lê Thị Anh Đ, sinh ngày 05-02-1994 và cháu Lê Viết Nhân T, sinh ngày 29-9-1995. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng. Chị C, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các con chung của chị C, anh H đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị C với anh Lê Viết H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Viết H.
2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
4. Về tài sản chung và về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0015820 ngày 09 tháng 02 năm 2022.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh